TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 13/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** **Bà Đoàn Thị Thu Trang**
- ***Các Hội thẩm nhân dân***: **1. Ông Phan Ngọc Đài.**
2. Ông Y Míp Niê.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: **Ông Phạm Đức Bùi** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị N, (**tên gọi khác: Không); - Sinh năm 1981 tại Đắk Lắk.

Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ. Con ông: Lê Công L, sinh năm 1957; Con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1961; chồng là Nguyễn T, sinh năm 1979; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000 nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Hồ Thị U, sinh năm 1997. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Đăk L;
2/ Hồ Thị H, sinh năm 1971. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Đ;
3/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1989. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Đ;
4/ Trương Thị L, sinh năm 1973. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Đ;
5/ Nguyễn H, sinh năm 1994. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ;
6/ Trần Đồng T, sinh năm 1974. (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ;
7/ Ngô Thị Ngọc L, sinh năm 1982. (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Đ;

8/ Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1989. (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường A, thị xã B, tỉnh Đ.
9/ Bùi Thị Thu H, sinh năm 1981. (có mặt).
Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ.
10/ Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1995. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Đ;
11/ Hà Thị Ngọc T, sinh năm 1987. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ;
12/ Vi Quốc D, sinh năm 1986. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ;
13/ Đỗ Trọng H, sinh năm 1986. (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình sinh sống tại địa phương Lê Thị N có quen biết với Hồ Thị U. Từ giữa tháng 02/2023 cho đến tháng 5/2023, U nhiều lần hỏi vay tiền của Nga để đầu tư mua bán bất động sản thì N đồng ý. Hình thức giao dịch vay tiền là U và N gặp trực tiếp trao đổi, viết giấy vay tiền hoặc sử dụng mạng xã hội zalo để nhắn tin cho nhau. Sau khi thoả thuận, thống nhất lãi suất và thời hạn vay thì vào ngày 18/02/2023 Nga cho Hồ Thị U có chồng Nguyễn Ngọc S vay 500.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm) và thỏa thuận 10 ngày U phải trả tiền lãi cho N một lần với số tiền là 15.000.000đ. Sau khi thỏa thuận xong, N chuyển khoản cho U 300.000.000đ và đưa cho U 200.000.000đ tiền mặt.

Sau khi vay, U đã trả tiền lãi của khoản vay này cho N như sau:

Trong ngày 18/02/2023, U đã chuyển khoản trả trước tiền lãi cho N 15.000.000đ tiền lãi của 10 ngày đầu tiên từ 18/02/2023 đến 28/02/2023. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 12.260.274đ; Ngày 09/3/2023, U chuyển khoản trả cho N 15.000.000đ tiền lãi của 10 ngày tiếp theo từ 28/02/2023 đến 08/3/2023. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 12.260.274đ; Ngày 15/4/2023, U chuyển khoản trả cho N 15.000.000đ tiền lãi của 10 ngày từ 08/4/2023 đến 18/4/2023. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 12.260.274đ; Ngày 27/4/2023, U chuyển khoản trả cho N 5.000.000đ tiền lãi của 10 ngày từ 18/4/2023 đến 28/4/2023 và xin nợ lại 10.000.000đ tiền lãi. Ngày 06/5/2023, U chuyển khoản trả cho N 24.500.000đ tiền lãi. Trong đó, có 10.000.000đ là tiền lãi còn nợ của 10 ngày trước và 14.500.000đ là tiền lãi của 10 ngày tiếp theo từ 28/4/2023 đến 08/5/2023. N chỉ lấy 14.500.000đ và cho U 500.000đ tiền lãi. Tổng số tiền lãi trong 10 ngày từ 18/4/2023 đến 28/4/2023, U đã trả cho N 15.000.000đ. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 12.260.274đ. Trong 10 ngày tiếp theo từ 28/4/2023 đến 08/5/2023, U đã trả cho N 14.500.000đ tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 11.760.274đ. Đến ngày 18/5/2023, U chuyển khoản cho N hai lần với tổng số tiền là 15.000.000đ để

trả tiền lãi của 10 ngày từ 08/5/2023 đến 18/5/2023. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 12.260.274đ.

Do làm ăn khó khăn N đã cho U một số lần tiền lãi nên lãi suất mà N thực nhận từ U thấp hơn lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/ngày và không bị vượt quá 100% lãi suất theo quy định cụ thể các lần như sau:

- Trong 10 ngày từ 08/3/2023 đến 18/3/2023 do khó khăn nên U không chuyển tiền lãi cho N và N cũng không lấy tiền lãi của 10 ngày này. N cho U lãi của 10 ngày này.

- Ngày 29/3/2023, U chuyển khoản trả cho Nga 10.000.000đ tiền lãi của 10 ngày từ 18/3/2023 đến 28/3/2023. Do U khó khăn nên Nga chỉ lấy 10.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 7.260.274đ.

- Ngày 06/4/2023, U chuyển khoản trả cho N 11.250.000đ tiền lãi của 10 ngày từ 28/3/2023 đến 08/4/2023. Do U khó khăn nên N chỉ lấy 11.250.000đ tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 8.510.274đ.

- Ngày 27/5/2023, bà U chuyển khoản trả cho Nga 10.000.000đ tiền lãi của 10 ngày từ 18/5/2023 đến 28/5/2023. Do bà U khó khăn nên Nga chỉ lấy 10.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 7.260.274đ.

- Ngày 08/6/2023, U chuyển khoản trả cho Nga 5.000.000đ tiền lãi của 10 ngày từ 28/5/2023 đến 08/6/2023. Do U khó khăn nên Nga chỉ lấy 5.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.739.726đ, số tiền lãi vượt quy định là 2.260.274đ.

Tổng số tiền lãi Hồ Thị U trả cho Lê Thị N là 125.750.000 đồng; số tiền lãi thu lợi bất chính từ 20% trở lên là: 98.352.740 đồng; số tiền thu lãi theo quy định dưới 20% là: 27.397.260 đồng. Tuy nhiên một số lần N không tính lãi và bớt số tiền lãi nên số tiền lãi thực tế N nhận từ U là 89.500.000đ.

Quá trình điều tra còn xác định được, ngoài lần cho vay ngày 18/02/2023 thì Hồ Thị U còn vay của Lê Thị N 07 lần nhưng tính lãi suất chưa đến 100%/năm. Ngoài ra Lê Thị N còn cho 10 người khác vay tiền không lấy lãi hoặc với lãi suất cao nhất là 2.500đ/1.000.000đ/01 ngày (tương đương lãi suất 91,25%/năm), bao gồm: bà Trần Thị T; bà Hà Thị Ngọc T1; ông Nguyễn Tiến D; ông Phạm T3; bà Nguyễn Thị Như T4; bà Võ Thị Hoài T5; ông Nguyễn H; vợ chồng ông Lê Phước D, bà Lê Thị H; vợ chồng ông Vi Quốc D, bà Hoàng Thị L và vợ chồng ông Đỗ Trọng H, bà Thái Thị Thu T6. Quá trình điều tra xác định Lê Thị N cho những người này vay tiền không lấy lãi hoặc với lãi suất cao nhất là 2.500đ/1.000.000đ/01 ngày (tương đương lãi suất 91,25%/năm).

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 22/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo Lê Thị N về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi của mình phù hợp như nội dung kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt Lê Thị Nga từ 15 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung số tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với số tiền thu lợi bất chính: Đề nghị buộc bị cáo phải trả lại cho Hồ Thị U số tiền 62.102.740đ và truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 27.397.260đ).

+ Đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền gốc 500.000.000 đồng mà bị cáo N dùng vào việc phạm tội từ Hồ Thị U (quá trình vay Hồ Thị U chưa trả số tiền này cho bị cáo).

+ Tiếp tục tạm giữ của bị cáo 2.000.000 đồng để đảm bảo công tác thi hành án.

+ Tịch thu sung công 02 điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

+ Công nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng đã trả lại cho: Bà Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động; bà Ngô Thị Ngọc L 01 điện thoại di động; ông Trần Đồng T 01 điện thoại di động.

+ Đề nghị trả lại cho Hồ Thị U 01 điện thoại di động.

+ Tiếp tục tạm giữ lưu trong hồ sơ vụ án 21 tờ giấy vay tiền do Lê Thị N đứng tên người vay và 01 giấy cam kết đề ngày 02/8/2023 mang tên Hồ Thị U.

Bị cáo không tham gia tranh luận, chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị N tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo vào ngày 18/02/2023, đã cho Hồ Thị U vay số tiền 500.000.000đ, với mức lãi suất là 109,5%/năm, cao gấp 5,47 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Điều 468 Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính. Tính đến ngày bị cơ quan điều tra phát hiện xử lý (ngày 10/11/2023), bị cáo đã sử dụng số tiền 500.000.000 đồng cho Hồ Thị U vay, thu lợi bất chính số tiền 62.102.740 đồng.

Hành vi của bị cáo phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng hành vi cho vay lãi nặng vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên ngày 18/02/2023, bị cáo cho Hồ Thị U vay tiền với lãi suất cao gấp nhiều lần so với quy định của Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính lớn. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Xét thấy bị cáo buôn bán nhỏ, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*,; đề nghị hình phạt; về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án:

[6.1] Đối với số tiền lãi theo quy định (mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự) bị cáo đã thu của Hồ Thị U là: 27.397.260đ cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[6.2] Đối với khoản tiền lãi thu lợi bất chính (vượt quá mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự) là: 62.102.740đ, cần buộc bị cáo trả lại cho Hồ Thị U.

[6.3] Đối với 02 điện thoại di động Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6.4] Đối với số tiền 2.000.000đ do bị cáo giao nộp cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6.5] Đối với hành vi cho vay lãi suất dưới 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự của bị cáo Lê Thị N cho một số người vay tiền với mức lãi suất từ 24,33%/năm đến 91,25%/năm, gấp 1,21 đến 4,56 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, mức lãi suất này dưới 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên hành vi không cấu thành tội phạm. Công an

huyện Krông Năng đã đề nghị Chủ tịch UBND huyện Krông Năng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định nên cần chấp nhận.

[6.6] Đối với tố cáo của Hồ Thị U đối với bà Hồ Thị H; bà Nguyễn Thị D; bà Trương Thị L; ông Nguyễn H; ông Trần Đồng T; bà Ngô Thị Ngọc L; bà Nguyễn Thị Hồng X và bà Bùi Thị Thu H có hành vi cho U vay nặng lãi. Quá trình điều tra tất cả đều khai nhận có cho bà Hồ Thị U vay tiền, tuy nhiên quá trình vay không ghi giấy tờ vay mượn và không xác định lãi suất cụ thể nhưng cả Hồ Thị U và người cho vay đều xác định không vượt quá 100%/ năm, mức lãi suất này chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài lời khai của những người trên và bà Hồ Thị U, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS:

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 01 (một) năm 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị N về cho UBND xã T, huyện K, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị N số tiền 60.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

**** Về xử lý vật chứng:*** Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA và 01 (một) điện thoại đi động hiệu SAMSUNG GALAXY J4 của bị cáo Lê Thị Nga.

+ Trả lại cho Hồ Thị Út 01 điện thoại di động hiệu OPPO RENO 6Z 5G.

+ Công nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng đã trả lại cho: bà Nguyễn Thị D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A76; bà Ngô Thị Ngọc l 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A37fw và trả lại cho ông Trần Đồng T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7 Pro.

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Thi hành án dân sự huyện Krông Năng).

- Tiếp tục tạm giữ của bị cáo 2.000.000 đồng để đảm bảo công tác thi hành án.

(Theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006485 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng).

- Truy thu của bị cáo Lê Thị N 27.397.260đ tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu của Hồ Thị U 500.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Thị Nga phải trả cho chị Hồ Thị U 62.102.740đ tiền thu lợi bất chính.

**** Về án phí:***

Bị cáo Lê Thị N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Công an tỉnh Đắk Lăk (LLTP);*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *Bị cáo, người có QL, NV liên quan;*
- *Lưu HS, VPCQ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang